

# CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÍNH HỮU HIỆU CỦA HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI QUẬN NINH KIỀU – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

✍️ TS. NGUYỄN MINH TIẾN<sup>1</sup>  
LÂM MAI PHƯƠNG<sup>2</sup>

## TÓM TẮT

Mục tiêu nghiên cứu chung của đề tài là đánh giá thực trạng và phân tích các nhân tố tác động đến tính hữu hiệu của hệ thống Kiểm soát nội bộ (HTKSNB) trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tại quận Ninh Kiều - TP. Cần Thơ. Trên cơ sở đó, đề xuất hàm ý quản trị nhằm nâng cao tính hữu hiệu của HTKSNB trong các DNNVV tại quận Ninh Kiều - TP. Cần Thơ. Trên cơ sở lý thuyết về HTKSNB, mô hình nghiên cứu được xây dựng theo COSO 2013, tác giả tiến hành thu thập dữ liệu sơ cấp thông qua khảo sát 148 mẫu từ các DNNVV trong năm 2020. Bằng các phương pháp kiểm định Cronbach Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, mô hình hồi quy tuyến tính đa biến, kết quả cho thấy, các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của HTKSNB trong các DNNVV bao gồm: (1) Giám sát; (2) Đánh giá rủi ro; (3) Thông tin và truyền thông; (4) Môi trường kiểm soát; (5) Hoạt động kiểm soát.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) đang là trụ cột chính trong nền kinh tế đất nước. Tuy nhiên, thực trạng khá phổ biến hiện nay là phương pháp quản lý của nhiều doanh nghiệp (DN) còn lỏng lẻo, một số được quản lý theo kiểu gia đình, còn một số khác lại phân quyền điều hành cho cấp dưới mà thiếu sự kiểm tra đầy đủ, hầu hết các doanh nghiệp hoạt động và vận hành dựa vào cảm tính, kinh nghiệm cá nhân chứ ít khi tuân theo quy định, nguyên tắc đúng - sai. Nếu không có một khung điều chỉnh cho tất cả cùng hệ thống chỉ định và hướng dẫn tác nghiệp thì hệ thống của doanh nghiệp sẽ trở nên rối rắm, và thiệt hại sâu sắc thuộc về chính chủ sở hữu DN. Vì vậy, DN muốn tồn tại và phát triển bền vững cần phải xây dựng cho mình một hệ thống kiểm soát nội bộ (HTKSNB) hữu hiệu chính là xác lập một cơ chế giám sát mà ở đó không quản lý bằng lòng tin mà bằng những quy định rõ ràng nhằm đạt được các lợi ích và hạn chế rủi ro. Thông qua đó góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, giúp các nhà quản trị quản lý hữu hiệu và hiệu quả hơn các nguồn lực kinh tế và nhân sự của đơn vị mình. Từ những lý do trên, tác giả quyết định chọn đề tài nghiên cứu là “Các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”.

## 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

### 2.1 Cơ sở lý thuyết

Theo COSO 2013 về hệ thống KSNB: “Kiểm soát nội bộ là một quá trình, chịu ảnh hưởng bởi hội đồng quản trị, người quản lý và các nhân viên của đơn vị, được thiết kế để cung cấp một sự đảm bảo hợp lý nhằm đạt được các mục tiêu về hoạt động hiệu quả, báo cáo tin cậy và tuân thủ quy định”.

Theo COSO 2013, HTKSNB bao gồm năm thành phần: Môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông, giám sát.

1. Trường Cao đẳng Kinh tế đối ngoại

2. Khoa đào tạo sau đại học, Trường Đại học Tây Đô



Môi trường kiểm soát là nền tảng ý thức, là văn hóa của tổ chức, phản ánh sắc thái chung của một tổ chức, tác động đến ý thức kiểm soát của toàn bộ thành viên trong tổ chức. Môi trường kiểm soát là nền tảng cho yếu tố còn lại của HTKSNB nhằm xây dựng những nguyên tắc và cơ cấu hoạt động phù hợp. Môi trường kiểm soát bao gồm nhận thức, thái độ và hành động của người quản lý trong đơn vị đối với kiểm soát và tầm quan trọng của kiểm soát. Môi trường kiểm soát có một ảnh hưởng quan trọng đến quá trình thực hiện và kết quả của các thủ tục kiểm soát.

Đánh giá rủi ro là việc nhận dạng, phân tích và quản lý các rủi ro có thể đe dọa đến việc đạt được các mục tiêu của tổ chức như: mục tiêu sản xuất, bán hàng, marketing, tài chính và các hoạt động khác, từ đó có thể quản trị được rủi ro.

Hoạt động kiểm soát là tập hợp những chính sách, thủ tục kiểm soát để đảm bảo cho các chỉ thị của nhà quản lý được thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu. Các chính sách và thủ tục này thúc đẩy các hoạt động cần thiết để giảm thiểu những rủi ro của doanh nghiệp và tạo điều kiện cho các mục tiêu đề ra được thực thi nghiêm túc, hiệu quả trong toàn doanh nghiệp. Hoạt động kiểm soát diễn ra trong toàn bộ tổ chức ở mọi cấp độ và mọi hoạt động.

Thông tin và truyền thông là điều kiện không thể thiếu cho việc thiết lập, duy trì và nâng cao năng lực kiểm soát trong đơn vị, thông qua việc hình thành các báo cáo để cung cấp thông tin về hoạt động, tài chính và sự tuân thủ, bao gồm cả bên trong lẫn bên ngoài đơn vị. Mọi bộ phận và cá nhân trong đơn vị đều phải có những thông tin cần thiết giúp thực hiện trách nhiệm của mình. Vì vậy những thông tin cần phải được xác định, thu thập và truyền đạt tới những cá nhân, bộ phận có liên quan một cách kịp thời và chính xác.

Giám sát là bộ phận cuối cùng của HTKSNB, là quá trình đánh giá chất lượng của HTKSNB theo thời gian. Giám sát có một vai trò quan trọng, nó giúp KSNB luôn hoạt động hữu hiệu. Quá trình giám sát được thực hiện bởi những người có trách nhiệm nhằm đánh giá việc thiết lập và thực hiện các thủ tục kiểm soát.

Giám sát được thực hiện theo hai phương thức: Giám sát thường xuyên các hoạt động và giám sát định kỳ các hoạt động. Nhằm xác định được những yếu điểm của kiểm soát nội bộ và báo cáo ngay cho các nhà quản lý cấp cao để đưa ra các hoạt động cần thiết.

## 2.2 Lược khảo các công trình nghiên cứu liên quan

Trên thế giới cũng như ở Việt Nam, có nhiều tác giả đã nghiên cứu về các khía cạnh khác nhau của hệ thống kiểm soát nội bộ và các nhân tố tác động đến tính hữu hiệu của HTKSNB. Cụ thể được tóm tắt ở bảng sau:

**Bảng 1:** Các biến đo lường của các nghiên cứu trước

Biến	Tác giả
Môi trường kiểm soát	Angella Amudo & Eno L. Inanga (2009)
Đánh giá rủi ro	Sultana và Haque (2011)
Hoạt động kiểm soát	Gamage và cộng sự (2014)
Thông tin truyền thông	Hồ Tuấn Vũ và Nguyễn Ngọc Lý (2016)
Giám sát	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt (2017)
	Bùi Thị Hồng Vân (2018)

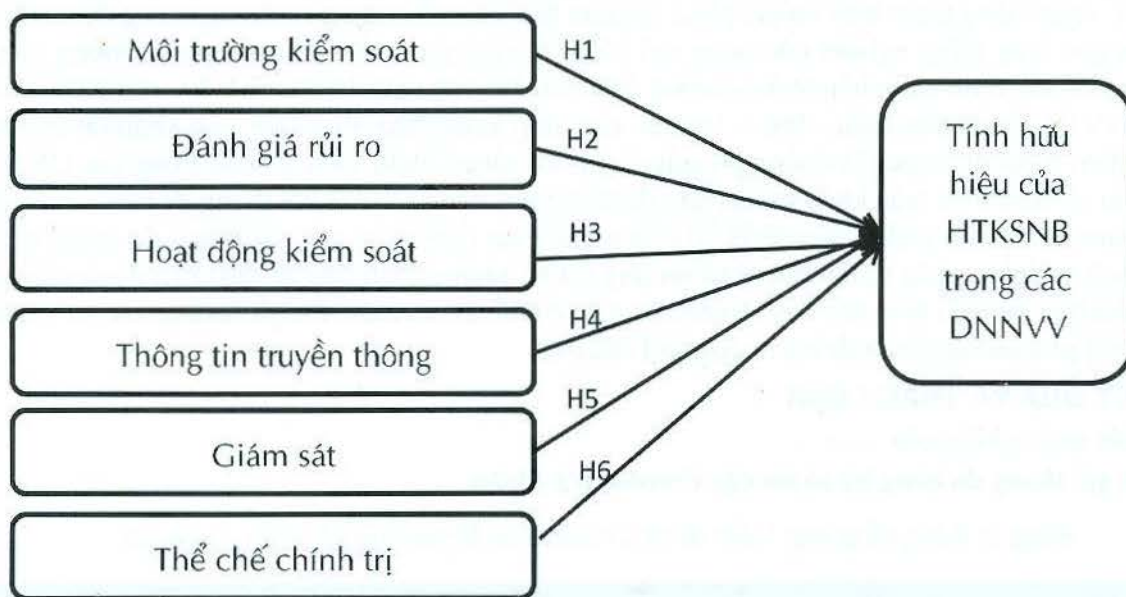
*Nguồn: Tác giả tổng hợp các nghiên cứu trước đây*

## 2.2 Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

Dựa trên nền tảng lý thuyết đã trình bày và kế thừa kết quả các nghiên cứu trước, kết hợp với việc nghiên cứu các đặc điểm, đặc thù của nền kinh tế Việt Nam nói chung và quận Ninh Kiều - thành phố Cần Thơ nói riêng, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu gồm 6 nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu



của HTKSNB là: môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông, giám sát và thể chế chính trị. Tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như sau:



**Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất**

*Nguồn: Tổng hợp từ khuôn mẫu lý thuyết*

**Giả thuyết cho mô hình nghiên cứu:**

Giả thuyết H1: Môi trường kiểm soát có sự tác động dương đến tính hữu hiệu của hệ thống KSNB tại DNNVV ở quận Ninh Kiều, TPCT.

Giả thuyết H2: Đánh giá rủi ro có sự tác động dương đến tính hữu hiệu của hệ thống KSNB tại DNNVV ở quận Ninh Kiều, TPCT.

Giả thuyết H3: Hoạt động kiểm soát có sự tác động dương đến tính hữu hiệu của hệ thống KSNB tại DNNVV ở quận Ninh Kiều, TPCT.

Giả thuyết H4: Nâng cao chất lượng thông tin và truyền thông có sự tác động dương đến tính hữu hiệu của hệ thống KSNB tại DNNVV ở quận Ninh Kiều, TPCT.

Giả thuyết H5: Giám sát có sự tác động dương đến tính hữu hiệu của hệ thống KSNB tại DNNVV ở quận Ninh Kiều, TPCT.

Giả thuyết H6: Thể chế chính trị có sự tác động dương đến tính hữu hiệu của hệ thống KSNB tại DNNVV ở quận Ninh Kiều, TPCT.

**3. DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**3.1 Dữ liệu nghiên cứu**

Công cụ phân tích dữ liệu được sử dụng là thống kê (dựa vào phương sai). Căn cứ theo số lượng biến phân tích, phân tích thống kê đa biến được sử dụng nếu có trên hai biến cùng được phân tích (Nguyễn Đình Thọ, 2013). Vì vậy công cụ phân tích đa biến được sử dụng cho mô hình nghiên cứu có 29 biến, như vậy mẫu nghiên cứu cần có khoảng 145 quan sát. Ngoài ra, để đảm bảo tính đại diện và dự trù cho những người không trả lời hoặc trả lời không đầy đủ, tác giả đã thu thập 165 mẫu quan sát từ các nhân viên trong DNNVV tại quận Ninh Kiều - TPCT. Phương pháp lấy mẫu theo phương pháp thuận tiện. Hình thức thu thập thông qua gửi trực tiếp bảng câu hỏi và Email những người am hiểu trong lĩnh vực kiểm soát nội bộ. Tổng số phiếu khảo sát thu về đạt 148 phiếu. Các phiếu trả lời đầy đủ, phù hợp với yêu cầu.



**3.2 Phương pháp nghiên cứu**

Nghiên cứu được sử dụng qua 2 phương pháp: nghiên cứu định tính và định lượng. Nghiên cứu định tính: sau khi tổng kết từ lý thuyết, tạp chí, các công trình nghiên cứu khoa học đã được công bố. Tuy nhiên, nhằm tăng thêm tính thuyết phục và đảm bảo các biến quan sát trong thang đo có thể đo lường cho các khái niệm nghiên cứu trong mô hình, tác giả thực hiện phương pháp phỏng vấn 05 chuyên gia để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ trong các DNNVV tại quận Ninh Kiều - TPCT. Nghiên cứu định lượng được thực hiện qua khảo sát trực tiếp, email và điện thoại đối tượng là trưởng phó tất cả các bộ phận, nhân viên kế toán trong các DNNVV. Kết quả thu về được 148 mẫu khảo sát với đầy đủ thông tin, bảng câu hỏi với thang đo likert 5. Dữ liệu thu thập được xử lý trên phần mềm SPSS 20 nhằm đánh giá độ tin cậy của các thang đo thông qua hệ số Cronbach’s Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích thống kê mô tả và đánh giá, kiểm định sự phù hợp của mô hình hồi quy. Từ đó làm căn cứ để đưa ra mức độ ảnh hưởng của các nhân tố và đề ra giải pháp nâng cao tính hữu hiệu của HTKSNB.

**4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**

**4.1 Kết quả nghiên cứu**

**Đánh giá thang đo bằng hệ số tin cậy Cronbach’s Alpha**

**Bảng 2:** Bảng tổng hợp kiểm định Cronbach’s Alpha của các biến quan sát

Biến quan sát	Số biến quan sát	Hệ số Cronbach’s Alpha	Tương quan biến tổng thấp nhất	Cronbach’s alpha nếu loại biến
Môi trường kiểm soát	5	0,871	0,605	0,830-0,865
Đánh giá rủi ro	5	0,908	0,729	0,877-0,900
Hoạt động kiểm soát	5	0,850	0,641	0,809-0,825
Thông tin truyền thông	5	0,854	0,592	0,801-0,846
Giám sát	5	0,868	0,613	0,822-0,864
Thể chế chính trị	4	0,845	0,612	0,767-0,834
Hoạt động KSNB	4	0,901	0,703	0,847-0,899

(Nguồn: Kết quả phân tích từ phần mềm SPSS)

Kết quả kiểm định thang đo các biến có hệ số Cronbach’s Alpha lớn hơn 0,7 và các hệ số tương quan biến tổng của các biến đều > 0,3 cho thấy thang đo bảng câu hỏi phù hợp.

**Phân tích nhân tố khám phá (EFA) đối với biến độc lập lần 1**

Kết quả kiểm định Bartlett và KMO với trị số Sig. = 0,000 < 0,05 và trị số KMO = 0,911 > 0,5. Chứng tỏ, thang đo các nhân tố tác động đến tính hữu hiệu của HTKSNB là phù hợp để phân tích EFA.

**Bảng 3:** Bảng ma trận xoay nhân tố biến độc lập lần 1

Các biến quan sát	Hệ số tải nhân tố					
	1	2	3	4	5	6
DGRR1	0,844					
DGRR4	0,808					
DGRR5	0,801					
DGRR2	0,719					
DGRR3	0,638	0,442				
GS2		0,800				



Các biến quan sát	Hệ số tải nhân tố					
	1	2	3	4	5	6
GS4		0,732				
GS3		0,705				
GS5		0,664				
GS1		0,637				
MTKS1			0,780			
MTKS5			0,756			
MTKS3			0,724			
MTKS4			0,706		0,311	
MTKS2			0,608			
HDKS2				0,767		
HDKS4				0,764		
HDKS3				0,733		
HDKS5				0,645		
HDKS1				0,629		
TTTT2					0,764	
TTTT4					0,740	
TTTT3					0,668	
TTTT1					0,662	0,336
TTTT5					0,656	
TCCT1						0,751
TCCT2						0,742
TCCT4						0,716
TCCT3		0,388				0,607

(Nguồn: Kết quả phân tích từ phần mềm SPSS)

Kết quả ma trận xoay cho thấy có hai biến bị loại là DGRR3 và TCCT3 đều có mức chênh lệch hệ số tải nhỏ hơn 0,3. Như vậy còn 27 biến quan sát để tiến hành thực hiện lại phân tích nhân tố EFA.

**Phân tích nhân tố khám phá (EFA) đối với biến độc lập lần 2**

Kết quả kiểm định Bartlett và KMO với trị số Sig. = 0,000 < 0,05 và trị số KMO = 0,902 > 0,5. Chứng tỏ, thang đo các nhân tố tác động đến tính hữu hiệu của HTKSNB là phù hợp để phân tích EFA.

**Bảng 4:** Bảng ma trận xoay nhân tố biến độc lập lần 2

Các biến quan sát	Hệ số tải nhân tố					
	1	2	3	4	5	6
GS2	0,815					
GS4	0,747					
GS3	0,726					
GS5	0,653					
GS1	0,647					
MTKS1		0,786				



Các biến quan sát	Hệ số tải nhân tố					
	1	2	3	4	5	6
MTKS5		0,759				
MTKS3		0,729				
MTKS4		0,701				
MTKS2		0,618				
HDKS2			0,771			
HDKS4			0,766			
HDKS3			0,736			
HDKS5			0,652			
HDKS1			0,636			
DGRR1				0,847		
DGRR4				0,821		
DGRR5				0,810		
DGRR2				0,687		
TTTT2					0,765	
TTTT4					0,749	
TTTT3					0,666	
TTTT1					0,658	
TTTT5					0,655	
TCCT2						0,778
TCCT1						0,753
TCCT4						0,672

(Nguồn: Kết quả phân tích từ phần mềm SPSS)

Kết quả ma trận xoay cho thấy có 27 biến quan sát được gom thành 6 nhân tố, tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố lớn hơn 0,5. Do đó, chấp nhận tất cả các biến.

Như vậy qua phân tích nhân tố khám phá, ta có thể kết luận rằng thang đo tính hữu hiệu của HTKSNB đạt giá trị hội tụ.

**Phân tích nhân tố khám phá (EFA) đối với biến phụ thuộc**

Hệ số KMO = 0,706 > 0,5; Kiểm định Bartlett Test có Sig = 0,000 < 0,05 chứng tỏ các biến quan sát có liên quan với nhau trong nhân tố, phân tích nhân tố là phù hợp.

Giá trị Eigenvalue = 3,086 ≥ 1 và rút trích thành một nhân tố mang ý nghĩa tóm tắt thông tin tốt nhất.

Tổng phương sai trích = 77,151 ≥ 50% cho thấy mô hình EFA là phù hợp.

**Phân tích tương quan**

**Bảng 5:** Bảng kết quả kiểm định sự tương quan

		HH	MTKS	DGRR	HDKS	TTTT	GS	TCCT
HH	Hệ số tương quan Pearson	1	0,658**	0,667**	0,608**	0,687**	0,732**	0,578**
	Sig. (2-tailed)		0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
	Số quan sát	148	148	148	148	148	148	148



		HH	MTKS	DGRR	HDKS	TTTT	GS	TCCT
MTKS	Hệ số tương quan Pearson	0,658**	1	0,435**	0,506**	0,587**	0,565**	0,499**
	Sig. (2-tailed)	0,000		0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
	Số quan sát	148	148	148	148	148	148	148
DGRR	Hệ số tương quan Pearson	0,667**	0,435**	1	0,520**	0,468**	0,522**	0,484**
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000		0,000	0,000	0,000	0,000
	Số quan sát	148	148	148	148	148	148	148
HDKS	Hệ số tương quan Pearson	0,608**	0,506**	0,520**	1	0,492**	0,440**	0,482**
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000		0,000	0,000	0,000
	Số quan sát	148	148	148	148	148	148	148
TTTT	Hệ số tương quan Pearson	0,687**	0,587**	0,468**	0,492**	1	0,562**	0,485**
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000	0,000		0,000	0,000
	Số quan sát	148	148	148	148	148	148	148
GS	Hệ số tương quan Pearson	0,732**	0,565**	0,522**	0,440**	0,562**	1	0,551**
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000		0,000
	Số quan sát	148	148	148	148	148	148	148
TCCT	Hệ số tương quan Pearson	0,578**	0,499**	0,484**	0,482**	0,485**	0,551**	1
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	
	Số quan sát	148	148	148	148	148	148	148

Ghi chú: (\*\*) Cặp biến có sự tương quan tuyến tính ở mức ý nghĩa 0,01 (mức tin cậy 99%).

Nguồn: Kết quả phân tích từ phần mềm SPSS

Kết quả phân tích ma trận tương quan cho thấy, hệ số tương quan của các biến độc lập đều cùng chiều với biến phụ thuộc và dao động từ 0,578 đến 0,732 thỏa mãn điều kiện  $-1 \leq r \leq 1$  và giá trị Sig < 0,05. Như vậy, tất cả các biến độc lập trong mô hình gồm MTKS, DGRR, HDKS, TTTT, GS, TCCT và biến phụ thuộc HH đều có tương quan với nhau.

**Phân tích hồi quy đa biến**

Phân tích hồi quy cho kết quả: 6 biến độc lập đưa vào ảnh hưởng 74% sự thay đổi của biến phụ thuộc, còn lại 26% là do các biến ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên. Hệ số Durbin-Watson là 1.684 nằm trong khoảng từ 1.5 - 2.5 (Theo Yahua Qiao, 2011) thì không có hiện tượng tự tương quan chuỗi bậc nhất. Sig của kiểm định F = 0,000 < 0,05. Như vậy, mô hình hồi quy tuyến tính bội phù hợp với tập dữ liệu.



**Bảng 6:** Bảng phân tích hệ số hồi quy

Biến	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	Giá trị t	Mức ý nghĩa Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn	Beta			Độ chấp nhận biến	Hệ số VIF
(Constant)	-1,116	0,265		-4,205	0,000		
1							
MTKS	0,163	0,059	0,160	2,766	0,006	0,528	1,892
DGRR	0,279	0,063	0,243	4,460	0,000	0,596	1,679
HDKS	0,167	0,066	0,139	2,546	0,012	0,592	1,688
TTTT	0,254	0,067	0,218	3,788	0,000	0,535	1,868
GS	0,413	0,078	0,310	5,279	0,000	0,512	1,953
TCCT	0,043	0,064	0,037	0,676	0,500	0,583	1,717

Ghi chú: Sig dùng để kiểm định ý nghĩa của hệ số hồi quy (Sig < 0,05).

Nguồn: Kết quả phân tích từ phần mềm SPSS

Kết quả phân tích hệ số hồi quy cho thấy, kiểm định t của biến yếu tố TCCT có Sig = 0,500 > 0,05; nên biến này không có ý nghĩa thống kê và bị loại khỏi mô hình. Các biến độc lập còn lại (MTKS, DGRR, HDKS, TTTT, GS) thì có Sig kiểm định t đều nhỏ hơn 0,05. Hệ số VIF của các biến độc lập đều nhỏ hơn 2 do vậy không có đa cộng tuyến xảy ra. Các hệ số hồi quy đều lớn hơn 0. Như vậy tất cả các biến độc lập đều tác động cùng chiều tới biến phụ thuộc. Dựa vào độ lớn của hệ số hồi quy chuẩn hóa Beta mức độ tác động từ mạnh nhất đến yếu nhất của yếu tố độc lập tới biến phụ thuộc là: GS (0,310) > DGRR (0,243) > TTTT (0,218) > MTKS (0,160) > HDKS (0,139).

Phương trình hồi quy:

$$HH = 0,310 GS + 0,243 DGRR + 0,218 TTTT + 0,160 MTKS + 0,139 HDKS.$$

**4.2 Thảo luận kết quả nghiên cứu**

Nhân tố giám sát có tác động mạnh nhất đến tính hữu hiệu của HTKSNB trong các DNNVV, thể hiện ở hệ số Beta chuẩn hóa = 0,310. Điều này có nghĩa là, với điều kiện các nhân tố khác không đổi khi yếu tố giám sát tăng 1 đơn vị thì tính hữu hiệu của HTKSNB tăng thêm 0,310 đơn vị. Hoàn toàn tương tự khi các nhân tố đánh giá rủi ro, thông tin và truyền thông, môi trường kiểm soát. Hoạt động kiểm soát tăng lên 1 đơn vị thì tính hữu hiệu của KSNB trong các DNNVV tại quận Ninh Kiều - TPCT tăng lên lần lượt là 0,243; 0,218; 0,160 và 0,139.

**5. KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý QUẢN TRỊ**

**5.1 Kết luận**

Qua quá trình nghiên cứu, tác giả đã giải quyết được các mục tiêu nghiên cứu đặt ra. Kết quả nghiên cứu cho thấy tính hữu hiệu của hệ thống KSNB chịu ảnh hưởng bởi 05 nhân tố: Môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông và giám sát. Tất cả 5 nhân tố trên đều có ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của hệ thống KSNB trong các DNNVV tại quận Ninh Kiều - TPCT.

**5.2 Hàm ý quản trị**

**- Đẩy mạnh hiệu quả giám sát:**

Nên chú trọng xây dựng quy trình giám sát thường xuyên liên tục kết hợp với giám sát định kỳ nhằm đưa ra các đánh giá thực tế về tình hình hoạt động tại đơn vị để có các điều chỉnh, cải tiến thích hợp. Nên thường xuyên đối chiếu số liệu giữa các bộ phận với bộ phận kế toán, có thể đối chiếu hàng tuần hay hàng tháng để kịp thời phát hiện ra chênh lệch và xử lý kịp thời. Nên mời kiểm toán độc lập kiểm toán DN vào cuối mỗi năm, bởi vì sự kiểm tra từ nội bộ cũng có thể chưa phát hiện ra được những rủi ro tiềm ẩn mà cần được kiểm tra bởi những người độc lập bên ngoài thì sẽ khách quan hơn.

**- Hoàn thiện về đánh giá rủi ro:**

Cần xem xét và đánh giá việc kiêm nhiệm công tác ghi chép giữa bộ phận kế toán với các bộ phận khác, đảm bảo được sự tách bạch và kiểm soát được; định kỳ thực hiện các cuộc họp nhằm phân



tích đánh giá các rủi ro phát sinh trong doanh nghiệp. Các nhà quản lý cũng nên thu thập thông tin từ các nhân viên trong đơn vị, từ các đối tượng bên ngoài để có thể phát hiện những rủi ro tiềm ẩn. Cần nâng cao nhận thức các cấp quản lý thông qua các khóa đào tạo ngắn hạn đặc biệt dành riêng cho họ, tổ chức các buổi tọa đàm.

### **- Tăng cường quản lý thông tin và truyền thông:**

Nên áp dụng phần mềm kế toán để giúp đơn vị truy xuất thông tin nhanh chóng và kịp thời. Cần phải tăng cường bảo mật những thông tin trong nội bộ. Cần ban hành thành văn bản về việc bảo mật thông tin để có cơ sở xử phạt và cần nêu rõ hình thức xử phạt. Cần xây dựng các chương trình, kế hoạch phòng chống thiên tai, hiểm họa hay có kế hoạch ứng cứu sự cố mất thông tin số liệu trên hệ thống máy tính.

### **- Hoàn thiện môi trường kiểm soát:**

Nên thiết lập cơ cấu tổ chức hợp lý đảm bảo tính xuyên suốt và nhất quán từ trên xuống dưới trong việc ban hành các quyết định. Nên phân công công việc rõ ràng, tránh chồng chéo. Cần lập bảng mô tả công việc cho nhân viên. Cần phải thể chế hóa bằng văn bản về những nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể. Cần luân chuyển các nhân viên làm việc trong những khu vực nhạy cảm. Cần có những chính sách cụ thể và rõ ràng về tuyển dụng, đào tạo, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật nhân viên. Thường xuyên đổi mới chính sách nhân sự theo hướng chuyên môn hóa. Xây dựng lộ trình thăng tiến giúp toàn thể nhân viên nỗ lực phấn đấu, gắn bó lâu dài với doanh nghiệp. Cần ban hành bộ quy tắc ứng xử chung nhấn mạnh đến giá trị đạo đức và tính chính trực. Định kỳ phải đánh giá và nâng cao hiệu quả của các biện pháp KSNB.

### **- Hoàn thiện hoạt động kiểm soát:**

Các văn bản, chính sách cần được thường xuyên cập nhật để hoạt động KSNB tại đơn vị không bị lỗi thời. Mọi nghiệp vụ đều phải được phê chuẩn đúng đắn bởi các cấp quản lý trong phạm vi quyền hạn cho phép và phải có đầy đủ chứng từ kèm theo. Khi phân công công việc nên phân chia cho nhiều bộ phận khác cùng tham gia. Ủy quyền phê duyệt nên có văn bản rõ ràng. Biểu mẫu chứng từ phải đầy đủ, rõ ràng; đánh số thứ tự và liên tục trước khi đưa vào sử dụng, thực hiện đối chiếu giữa các chứng từ. Thực hiện kiểm kê giữa số lượng và giá trị tài sản doanh nghiệp đang sở hữu. Đối với hệ thống máy tính nên cấp quyền truy cập phù hợp với chức năng và nhiệm vụ đảm nhận./.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Angella Amudo, Eno L. Inanga, (2009). Evaluation of Internal Control Systems: A Case Study from Uganda, International Research Journal of Finance and Economics, 27:125-144
2. Bùi Thị Hồng Vân, 2018. Các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của HTKSNB trong các DNNVV tại TPHCM. Luận văn Thạc sĩ. Trường Đại học Kinh tế TPHCM.
3. Coso (2013). Internal Control - Integrated Framework: Executive Summary
4. C.T.Gamage., Kevin Low Lock., & AAJ Fernando, (2014). Effectiveness of internal control system in state commercial banks in Sri Lanka, International Journal of Scientific Research and Innovative Technology, Vol. 1 No. 5: 25-44.
5. Hồ Tuấn Vũ, 2016. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ trong các Ngân hàng thương mại Việt Nam, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Ngọc Lý, 2016. Các thành tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp kinh doanh chuỗi cửa hàng bán lẻ TP. HCM. Luận văn thạc sĩ. ĐH Kinh tế TP. HCM.
7. Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, 2017. Các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của HTKSNB trong các DN sản xuất nhỏ và vừa tại TPHCM. Luận văn Thạc sĩ. Trường Đại học Kinh tế TPHCM.
8. Sultana R and Haque M.E. (2011), Evaluation of Internal Control Structure: Evidence from Six Listed Banks in Bangladesh, ASA University Review, Vol.5 No.1
9. Yahua Qiao. (2011). Instertate Fiscal Disparities in America (2th ed.). New York and London: Routledge.

### **Các trang Website tham khảo**

1. [http:// www.coso.org](http://www.coso.org)
2. <http://www.tapchiketoan.com.vn/>